TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/DS-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh;

Ông Nguyễn Huy Cẩn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đình Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS- ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Quốc Q, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2020 của ông Đinh Quốc Q); (Có mặt).

2. Bị đơn: Tổng Công ty cổ phần W.

Địa chỉ: Đường T1, phường N, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Nguyễn Đức H, ông Trương Hồng Q2, ông Nguyễn Hoàng A;

Cùng địa chỉ: 26 T1, phường N, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Tạ Văn T1.

Địa chỉ: 6B Phạm Văn Đ3, phường S, TP. V, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 12/11/2020 và Giấy ủy quyền bổ sung ngày 09/8/2022 của ông Vũ Anh T3- Tổng giám đốc của Tổng Công ty cổ phần W).

(Ông Hoàng A có mặt; ông H, ông Q2 và ông T1 đều vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH Cơ khí tổng hợp I.

Địa chỉ: Số 070 - 072, đường N5, phường R, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy L - Giám đốc công ty; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2011, ông Đinh Quốc Q là chủ sở hữu chiếc xe ô tô biển số xe 88C-007.27 đã mua bảo hiểm của Công ty W1 theo giấy chứng nhận bảo hiểm do Tổng Công ty cổ phần W phát hành và đóng dấu với số tiền phí 12.134.400 đồng. Nội dung mua bảo hiểm vật chất thân xe theo đó số tiền thụ hưởng bảo hiểm là 395.000.000 đồng. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 31/5/2011 đến 30/5/2013.

Ngày 26/10/2012, anh Đinh Văn C điều khiển xe ô tô tải biển số xe 88C-007.27 thì xảy ra tai nạn ở huyện M, tỉnh Lào Cai. Hậu quả lái xe chết, xe ô tô bị hư hỏng nặng. Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do lái xe thiếu quan sát, đường xấu. Sau khi xảy ra tai nạn, gia đình ông Q đã thông báo cho bảo hiểm và Công ty W1 đứng ra thụ lý ban đầu, sau đó ủy quyền cho Công ty W2 giải quyết. Ngày 08/11/2012 ông Q đã ủy quyền cho ông Nguyễn Ánh K làm việc Công ty bảo hiểm yêu cầu bồi thường.

Theo đánh giá ban đầu của Công ty W2 và gia đình ông Q ký xác nhận mức thiệt hại là 162.860.000 đồng và thống nhất giao xe cho Công ty cơ khí I sửa chữa. Từ khi kéo xe vào xưởng đến hết năm 2013, gia đình đã nhiều lần đến hỏi việc sửa chữa nhưng xưởng trả lời 1 số phụ tùng thay thế hiện xưởng không có hay xưởng phải chờ ý kiến của Công ty W2.

Năm 2017, ông Q ủy quyền cho ông Đinh Xuân H4 đến Công ty W1 giải quyết nhưng công ty khất lần nhiều lần và trả lời chờ Công ty W1 hỏi ý kiến Tổng Công ty cổ phần W.

Đến ngày 19/7/2018 giữa Công ty W1, ông H4 và Ngân hàng J có biên bản làm việc liên quan đến việc bồi thường nhưng sau đó các bên không thống nhất được việc bồi thường.

Ngày 09/12/2019, ông H4 có đơn khiếu nại và ngày 24/12/2019, Tổng Công ty cổ phần W có văn bản từ chối giải quyết bồi thường.

Ngày 06/8/2020 ông Q khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty cổ phần W bồi thường số tiền 395.000.000 đồng theo giá trị ghi trong chứng nhận bảo hiểm do chiếc xe ô tô đã hỏng và không còn sửa chữa được.

Tại thời điểm mua bảo hiểm, ông Q, Công ty W1 và Quỹ tín dụng J (nay là Ngân hàng J) có ký văn bản xác định người thụ hưởng bảo hiểm là Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q đã trả xong khoản vay cho Ngân hàng, Ngân hàng đã trả lại giấy đăng ký xe ô tô cho ông, vì vậy ông Q đề nghị được trực tiếp nhận tiền bảo hiểm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty cổ phần W trình bày:*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền xác nhận Công ty W1 đã cấp cho ông Q giấy chứng nhận bảo hiểm số VCE/00278775. Về phạm vi bảo hiểm, mức trách nhiệm bảo hiểm, đơn vị thụ hưởng bảo hiểm cũng như nguyên nhân tai nạn như lời trình bày của ông Q là đúng.

Ngay sau khi nhận được ủy quyền, Công ty W2 đã chỉ định Công ty giám định BT tiến hành giám định nhằm xác định nguyên nhân, tình trạng, mức độ tổn thất và chi phí khắc phục sự cố. Tại chứng thư số 012302-HN có nội dung xác định nguyên nhân tai nạn là do lái xe Đinh Văn C điều khiển xe ô tô biển số xe 88C-007.27 thiếu quan sát, đường xấu gập gềnh gây ra vụ tai nạn. Sau đó Công ty W2 đã chủ động xin báo giá gara ô tô ĐH với chi phí khắc phục là 162.680.000 đồng và có văn bản gửi đến ông Q, Công ty cơ khí I2 và Ngân hàng J đề nghị giải quyết vụ việc nhưng không nhận được phúc đáp.

Ngày 05/7/2013, người đại diện chủ xe cho người khác đến Công ty W2 rút hồ sơ. Ngày 28/5/2014 Ban bảo hiểm xe cơ giới W tiến hành đóng hồ sơ và không giải quyết vụ việc nữa.

Ngày 25/12/2017, ông Q ủy quyền cho ông Đinh Xuân H4 trực tiếp giải quyết vụ việc có Ủy ban nhân dân xã D xác nhận. Ngày 09/4/2018 nhận được giấy ủy quyền của ông Q cho ông H4.

Ngày 09/12/2019, ông H4 có đơn khiếu nại và ngày 24/12/2019, Tổng Công ty cổ phần W có văn bản số 2504 về việc phản hồi khiếu nại ngày 09/12/2019 của ông H4 và từ chối giải quyết bồi thường. Lý do: Ngày 09/4/2018 Tổng Công ty cổ phần W mới nhận được yêu cầu bồi thường, đã nằm ngoài thời hạn yêu cầu bồi thường theo quy định tại Điều 11 Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 2949/2008-W-XCG của W.

"Điều 11 quy tắc bảo hiểm số 2949/2008-W-XCG quy định:

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là một năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.

2. W có trách nhiệm xem xét và giải quyết bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ về yêu cầu trả tiền bồi thường và không kéo dài quá 30 ngày trường hợp phải xác minh hồ sơ.

3. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của W là 90 ngày, kể từ ngày chủ xe nhận được thông báo bồi thường của W. Quá thời hạn nêu trên W sẽ không giải quyết khiếu nại."

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tổng Công ty cổ phần W không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bồi thường số tiền 395.000.000 theo giấy chứng nhận bảo hiểm, lý do: Căn cứ Điều 30 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và khoản 4 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm quy định: Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Kể từ ngày 23/12/2012 tính đến ngày 06/8/2020 ông Q mới có đơn khởi kiện đến Tòa án đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 và khoản 1 Điều 159 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Nếu trường hợp thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn thì Tổng Công ty cổ phần W chỉ đồng ý bồi thường số tiền 171.468.000 đồng. Lý do: Tại chứng thư số 012302-HN có nội dung xác định nguyên nhân tai nạn và phương án duyệt giá của Tổng Công ty cổ phần W ngày 29/01/2013 xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất thì chi phí khắc phục là 171.468.000 đồng.

Việc xe không được sửa chữa tại thời điểm xảy ra tổn thất là lỗi của ông Q vì theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Luật kinh doanh Bảo hiểm quy định bên mua bảo hiểm phải có trách nhiệm như sau: *Áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan*. Vì vậy, đề nghị xem xét lỗi của ông Q trong vụ án này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH cơ khí tổng hợp I do ông Nguyễn Huy L đại diện trình bày: Tháng 10/2012 Công ty W2 có cứu hộ chiếc xe ô tô biển số 88C-007.27 đến xưởng của ông. Sau khi giám định, xưởng sửa chữa cũng đã xác định được phương án sửa chữa nhưng theo thỏa thuận trước khi tiến hành sửa chữa, thay thế khắc phục xưởng phải có biên bản kiểm tu tại ga ra nên xưởng phải chờ ý kiến của Công ty W2. Nhưng sau khi giám định Công ty W2 không có ý kiến gì về việc sửa chữa. Những năm đầu, gia đình đến hỏi chỉ trả lời chờ ý kiến của Công ty W2 thì xưởng mới tiến hành sửa chữa được. Công ty đều có thể sửa chữa xe nếu trả đầy đủ chi phí sửa chữa xe nhưng Công ty W2 và chủ xe không thống nhất được phương án sửa chữa xe.

Ngoài ra, ông L còn đề nghị Công ty W2 hoặc ông Q phải trả số tiền 31.200.000 đồng là chi phí về việc cứu hộ, di chuyển vị trí để xe và tiền lưu giữ xe tại xưởng. Tuy nhiên, ông trình bày không gửi đơn yêu cầu độc lập và không nộp tạm ứng án phí.

Ngân hàng J trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án và có các văn bản gửi đến Ngân hàng yêu cầu cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung: Khoảng năm 2012-2013, Công ty W2 có thông báo đến Ngân hàng để giải quyết việc bồi thường bảo hiểm sau khi tai nạn xảy. Ngân hàng có văn bản trả lời không nhận được văn bản nào của Công ty W2 và đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án này. Còn liên quan đến giấy ủy quyền thụ hưởng bảo hiểm đề ngày 01/6/2011 giữa Công ty W1, Quỹ tín dụng J và ông Đinh Quốc Q cũng như yêu cầu của ông Q được trực tiếp nhận tiền bảo hiểm, Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng biết. Ngân hàng chỉ cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến khoản nợ tín dụng mà ông Q đã trả cho Ngân hàng nhưng không có ý kiến gì.

Lời khai của ông Nguyễn Quý G - Giám đốc Công ty W2 thể hiện: Công ty W2 được đề nghị giám định và bồi thường hộ nhưng sau khi bàn giao xe cho Công ty I để sửa chữa cho khách hàng do không thống nhất được giữa các bên, Công ty W2 đã chuyển lại toàn bộ hồ sơ gốc về cho Công ty W1 và Tổng Công ty cổ phần W để giải quyết quyền lợi cho khách hàng.

Lời khai của ông Tạ Văn Tl – Phó Giám đốc Công ty W1 thể hiện: Công ty W1 là thành viên của Tổng Công ty cổ phần W, chỉ là đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Tổng Công ty cổ phần W, không có tư cách pháp nhân, hoạt động theo điều lệ và ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cổ phần W. Việc Tòa án đề nghị Công ty W1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng đối tượng, trái quy định của pháp luật. Tổng Công ty cổ phần W cử người tham gia tố tụng trong vụ án và đã ủy quyền cho ông Tạ Văn T1 tham gia quá trình giải quyết vụ án, cung cấp đầy đủ hồ sơ và trình bày ý kiến liên quan đến vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Ánh K trình bày:

Ông là người được ông Q ủy quyền để làm việc với Công ty W2, ông được biết Công ty đã đưa xe về xưởng sửa chữa của Công ty cơ khí I2. Khi làm việc bên gia đình ông Q trình bày rõ yêu cầu với Công ty W2 là sửa chữa xe ô tô để xe có đủ điều kiện đăng ký, đăng kiểm tham gia giao thông phục vụ sản xuất kinh doanh để gia đình trả được gốc và lãi vay tại ngân hàng khi mua xe ô tô. Tuy nhiên, sau một thời gian Công ty W2 trao đổi chỉ được chi trả số tiền 160.000.000 đồng nên Công ty W2 trả lại vụ việc cho Công ty W1 giải quyết

nên ông không tiếp tục tham gia vụ việc nữa. Ông cũng không đến Công ty W2 để rút hồ sơ về.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 33/2023/QĐ-SCBSBA ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đinh Quốc Q đối với Tổng Công ty cổ phần W.

Buộc Tổng Công ty cổ phần W phải bồi thường thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu U, loại xe tải biển số xe: 88C-007.27 của ông Q, số tiền bảo hiểm là 395.000.000 đồng theo giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới số: 0030046 của Tổng Công ty cổ phần W cấp cho ông Đinh Quốc Q ngày 31/5/2011.

Người thụ hưởng số tiền bảo hiểm là Đinh Quốc Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với giá trị tài sản còn lại của chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-007.27 (tài sản hiện nay do công ty cơ khí I2- xưởng sửa chữa ga ra ô tô quản lý) giao lại cho Tổng công ty Bảo hiểm W)

- Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 4 năm 2023 đại diện hợp pháp của bị đơn - Tổng Công ty cổ phần W có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của bị đơn không rút đơn kháng cáo, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Tòa án xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đưa Công ty W2 và Công ty W1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết, bởi hai công ty này là thành viên của Tổng Công ty cổ phần W, chỉ là đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Tổng Công ty cổ phần W. Việc Tổng Công ty cổ phần W đã tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn và chịu trách nhiệm toàn bộ nên nay cấp phúc thẩm không đưa Công ty W2 và Công ty W1 vào tham gia tố tụng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định và đưa Ngân hàng J vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng J đã trình bày trước đây Ngân hàng cho ông Q thế chấp xe ô tô tải biển số 88C-007.27 để vay tiền. Sau đó ông Q đã trả hết tiền gốc và ngày 20/01/2022 Ngân hàng đã xuất trả tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-007.27 cùng đăng ký xe cho ông Q. Kể từ ngày 20/01/2022 Ngân hàng J không liên quan đến chiếc xe biển kiểm soát 88C-007.27 và không có quyền lợi gì để thụ hưởng tiền bảo hiểm vật chất của xe. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm cũng không xác định Ngân hàng J là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án nữa.

[2] Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do bản án của Tòa án nhân dân thành phố V không xem xét đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án và không đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, chủ tọa yêu cầu đại diện người kháng cáo trình bày cụ thể những nội dung kháng cáo thì ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Cụ thể là do hết thời hiệu khởi kiện nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Nếu Tòa án xác định còn thời hiệu khởi kiện thì việc xe không được sửa chữa tại thời điểm xảy ra tổn thất là lỗi của ông Q vì ông Q không áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo của pháp luật nên bị đơn chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Q 171.468.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Sự kiện bảo hiểm là ngày 26/10/2012 xe ô tô tải biển số 88C-007.27 do anh Đinh Văn C điều khiển xảy ra tai nạn ở huyện M, tỉnh Lào Cai, lái xe chết và xe ô tô bị hư hỏng nặng. Tai nạn xảy ra nằm trong phạm vi bảo hiểm thiệt hại vật chất mà Công ty W1 có trách nhiệm bồi thường cho chủ xe.

Ngày 09/11/2012, Công ty giám định BT đã ra chứng thư số 012302-HN xác định nguyên nhân tai nạn và đánh giá chi phí khắc phục tổn thất. Tổng Công ty cổ phần W đã phê duyệt chi phí khắc phục số tiền là 171.468.000 đồng. Công ty W2 và ông Q đã thống nhất chọn xưởng sửa chữa ô tô - Công ty cơ khí I2 sửa chữa và đưa xe vào ga ra, tuy nhiên sau đó xe ô tô không được tiến hành sửa chữa.

Tổng Công ty cổ phần W cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc đề ngày 19/7/2018 lại thể hiện Công ty W1, đại diện chủ xe và Ngân hàng J đã có biên bản làm việc liên quan đến việc bồi thường. Mặc dù, tài liệu chỉ là bản pho to do nguyên đơn cung cấp, tài liệu bản chính do bị đơn lưu giữ nhưng bị đơn khai rằng do hồ sơ bị thất lạc nên khong cung cấp được bản chính. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã công bố tài liệu pho to ngày 19/7/2018 này, các bên không ai có ý kiến gì vì vậy tài liệu này được xem là chứng cứ của vụ án. Như vậy, thời hiệu khởi kiện vụ án được tính lại từ ngày 19/7/2018 (theo điểm a khoản 1 Điều 157 của Bộ luật dân sự năm 2015). Theo Điều 30 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và khoản 4 Điều 11 Quy tắc bảo hiểm quy định: "*Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp",* ngày 06/8/2020 ông Q khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bồi thường, tính từ ngày 19/7/2018 đến ngày 06/8/2020 là dưới 03 năm, như vậy ông Q khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện. Việc Công ty W kháng cáo cho rằng hết thời hiệu khởi kiện là không đúng pháp luật, không được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

[2.2] Về nội dung kháng cáo tổn thất là do lỗi của ông Q vì ông Q không áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật nên bị đơn chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Q 171.468.000 đồng.

Bị đơn cho rằng sau khi xảy ra tai nạn căn cứ vào kết quả báo cáo giám định, W đã đồng ý chi trả và bồi thường đối với tổn thất xe ô tô tải biển số 88C-007.27 để ông Q được tiếp tục thực hiện công việc. Hai bên đồng ý đưa xe đến xưởng của Công ty I để khắc phục sửa chữa theo đơn giá các bên đã đồng ý. Tuy nhiên, ông Q không có động thái nào để sửa chữa xe mặc dù ông Q có thể sửa chữa được một số thiết bị sẵn có. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là những lời trình bày bao biện nhằm chối bỏ trách nhiệm của W với khách hàng, bởi theo thỏa thuận trong biên bản giám định xe cơ giới đề ngày 09/11/2012 trước khi tiến hành sửa chữa, thay thế khắc phục xưởng phải có biên bản kiểm tu tại gara

của công ty tiến hành giám định nên Công ty W2 phải liên hệ với Công ty giám định do mình chỉ định để làm việc. Công ty W2 trình bày lý do không được sửa chữa là do không thống nhất được giữa các bên và Công ty đã có văn bản gửi đến ông Q, Công ty cơ khí I và nhiều lần liên hệ Ngân hàng J – Chi nhánh Vĩnh Phúc đề nghị giải quyết vụ việc nhưng không nhận được phúc đáp. Ngày 05/7/2013, người đại diện chủ xe cho người khác đến Công ty W2 rút hồ sơ, không yêu cầu sửa chữa xe mà thanh toán tiền mặt. Những lời khai này bị đơn và Công ty W2 lại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời khai trên có căn cứ và không cung cấp được văn bản thông báo giải quyết bồi thường gửi cho ông Q. Tài liệu nguyên đơn cung cấp lại thể hiện ngày 19/7/2018 tại Công ty W1 đại diện chủ xe, đại diện của Ngân hàng J và đại diện của Công ty W1 đã có buổi làm việc để thỏa thuận bồi thường bảo hiểm đối với chiếc xe, tuy nhiên do các bên không thống nhất được mức bồi thường nên việc bồi thường chưa được thực hiện. Như vậy, xác định việc yêu cầu sửa chữa xe ô tô của nguyên đơn đã được công ty bảo hiểm thực hiện nên việc giám sát, đôn đốc sửa chữa xe là trách nhiệm của Công ty W2 không phải là của chủ xe. Việc xe ô tô không được sửa chữa kịp thời từ thời điểm có phương án duyệt giá của Tổng Công ty cổ phần W cho đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện lỗi hoàn toàn thuộc về Tổng Công ty cổ phần W.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 28/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định như sau: Căn cứ vào hiện trạng tài sản, Hội đồng đánh giá tài sản chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-007.27 đã bị hư hỏng hoàn toàn, không thể sửa chữa và sử dụng được nên xác định giá trị theo phế liệu. Trên cơ sở khảo sát giá thị trường tại thời điểm định giá, Hội đồng nhất trí xác định giá trị của tài sản là: 5.020kg x70% x 9.000đồng/k=31.626.000 đồng. Như vậy, chiếc xe được xác định đã hư hỏng hoàn toàn, không thể sửa được. Việc bị đơn chỉ đồng ý bồi thường cho nguyên đơn số tiền chi phí khắc phục tổn thất là 171.468.000 đồng tại thời điểm này không còn phù hợp nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường số tiền theo giá trị bảo hiểm là 395.000.000 đồng theo giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới số 0030046 của Tổng Công ty cổ phần W cấp cho ông Đinh Quốc Q ngày 31/5/2011.

Theo qui định tại Điều 47 Luật kinh doanh bảo hiểm và qui định tại mục 2.3 Điều 17 Qui tắc Bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới (Ban hành kèm theo quyết định số 2949/2008-W/BHX ngày 29/9/2008 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần W) thì giá trị còn lại (xác xe) W có quyền thu hồi. Do đó, giá trị còn lại (xác xe) của chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-00727 và giấy đăng ký xe cần được giao lại cho Tổng Công ty cổ phần W sở hữu, sử dụng. Tại phiên tòa phúc

thẩm, đại diện nguyên đơn khẳng định đang quản lý giấy Đăng ký xe ô tô và nhất trí giao lại đăng ký xe cho Tổng Công ty cổ phần W khi Tổng công ty bồi thường cho nguyên đơn.

Ngày 17/8/2023, khi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xác minh thì đại diện Ngân hàng J cho biết trước đây ông Q thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 88C-007.27 để vay tiền Ngân hàng, nay ông đã trả hết tiền gốc và ngày 20/01/2022 Ngân hàng đã xuất trả tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-007.27 cùng đăng ký xe cho ông Q. Kể từ ngày 20/01/2022 Ngân hàng J không liên quan đến chiếc xe biển kiểm soát 88C-007.27 và không có quyền lợi gì để thụ hưởng tiền bảo hiểm vật chất của xe. Nay nếu Tổng Công ty cổ phần W trả tiền bảo hiểm vật chất của xe thì trả cho ông Q được thụ hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Tổng Công ty cổ phần W cũng xác định nếu phải bồi thường thì bồi thường cho ông Đinh Quốc Q chứ không phải bồi thường cho Ngân hàng J. Quan điểm này là hoàn toàn phù hợp thực tế vì hiện nay chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-007.27 không liên quan đến tài sản thế chấp của Ngân hàng J. Việc Bản án sơ thẩm buộc Tổng Công ty cổ phần W phải bồi thường thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu U, loại xe tải biển số xe: 88C-007.27 cho ông Q theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 0030046/H4A/09 ngày 31/5/2011 và theo đơn bảo hiểm số VCE/00278775 là chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Tổng Công ty cổ phần W cũng trình bày nếu được Tòa án giao lại xác xe thì W sẽ có trách nhiệm làm việc với Công ty TNHH cơ khí tổng hợp I về tiền cứu hộ xe, trông gửi giữ xe từ khi xe được cứu hộ về công ty cơ khí đến nay vì chính W2 đề nghị công ty cơ khí kéo xe về và gửi tại đó. Do đó, sau này Tổng Công ty cổ phần W có trách nhiệm làm việc với Công ty TNHH cơ khí tổng hợp I để quản lý xe. Nếu hai bên có tranh chấp thì khởi kiện ra Tòa án để giải quyết bằng vụ án khác, bởi trong quá trình giải quyết sơ thẩm Công ty TNHH cơ khí tổng hợp I không có yêu cầu độc lập và sau khi xét xử sơ thẩm công ty không có kháng cáo.

Từ những nhận định trên và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Tổng Công ty cổ phần W không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử, có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận. Do quyết định của bản án tuyên chưa rõ ràng nên Hội đồng xét xử bổ sung, điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty cổ phần W, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 567, 568, 570, 571, 573, 575, 576 và 579 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 14,15,17, 30, 46,47,48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Buộc Tổng Công ty cổ phần W phải bồi thường thiệt hại vật chất đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu U, biển kiểm soát: 88C-007.27 cho ông Đinh Quốc Q số tiền là 395.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng).

- Tổng Công ty cổ phần W được quyền thu hồi, sở hữu chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88C-007.27 đang được gửi giữ tại Xưởng sửa chữa của Công ty TNHH Cơ khí tổng hợp I (Địa chỉ: Số nhà XXX đường N5, phường R, TP. L5, tỉnh Lào Cai).

- Ông Đinh Quốc Q có nghĩa vụ giao lại đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-007.27 cho Tổng Công ty cổ phần W.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí: Tổng Công ty cổ phần W phải trả cho ông Đinh Quốc Q chi phí về việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản số tiền là 3.140.000đồng (Ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng Công ty cổ phần W phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 19.750.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho ông Đinh Quốc Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 9.870.000 đồng (Chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007095 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty cổ phần W phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004833 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng Công ty cổ phần W đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a,7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Vĩnh Thành